

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý khai thác kết cấu hạ tầng hàng hải”

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Xét đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam tại văn bản số 3122/CHHVN-QLKHTCB ngày 13 tháng 9 năm 2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý khai thác kết cấu hạ tầng hàng hải” với các nội dung chủ yếu sau:

I. Mục tiêu và quan điểm

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: Nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý khai thác kết cấu hạ tầng (KCHT) hàng hải nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế biển theo Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành hàng hải, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước kết hợp bảo vệ quốc phòng, an ninh, phối hợp tìm kiếm - cứu nạn, bảo vệ môi trường biển.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, khai thác KCHT hàng hải. Từng bước điều chỉnh, cân đối cung cầu hàng hóa và bến cảng nhằm nâng cao hiệu quả khai thác của các bến cảng đã được đầu tư, đặc biệt là các cảng biển, bến cảng trọng điểm, cảng trung chuyển quốc tế có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội đất nước hoặc liên vùng.



- Đề xuất kế hoạch triển khai thực hiện nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, khai thác KCHT hàng hải. Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông kết nối và hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại cảng biển.

- Thống nhất vai trò quản lý nhà nước cảng biển, đặc biệt đối với công tác quản lý khai thác, chất lượng KCHT hàng hải.

2. Quan điểm xây dựng

a) Quán triệt chủ trương đổi mới và nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý, khai thác KCHT hàng hải.

b) Thực hiện Đề án theo lộ trình phù hợp để bảo đảm tính khả thi trong việc nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, khai thác KCHT hàng hải nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

c) Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quản lý, khai thác KCHT hàng hải hiện nay; khẩn trương hoàn thiện cơ chế quản lý, khai thác, bảo trì KCHT hàng hải phù hợp với thực tiễn quản lý và có sự phân công, phân cấp rõ ràng.

d) Tách bạch giữa quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp trong công tác bảo trì và quản lý chất lượng KCHT hàng hải.

đ) Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm và mô hình quản lý, khai thác KCHT hàng hải của các nước tiên tiến nhằm vận dụng vào điều kiện thực tế của Việt Nam phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển.

e) Tăng cường kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, khai thác KCHT hàng hải.

II. Các nhóm giải pháp thực hiện

1. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cơ chế, chính sách, mô hình quản lý cảng biển nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý khai thác KCHT hàng hải phù hợp với thực tiễn và thông lệ hàng hải quốc tế.

b) Rà soát, hệ thống hóa và đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đề án liên quan đến quản lý, bảo trì, nâng cấp, quản lý chất lượng KCHT hàng hải phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn.

c) Xây dựng văn bản quy định cơ chế phối hợp giữa các lực lượng chức năng cũng như quy định trách nhiệm cụ thể của chính quyền địa phương các cấp, công an, biên phòng cửa khẩu, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành, khai thác KCHT hàng hải.

d) Đẩy mạnh việc cho thuê quản lý khai thác KCHT cảng biển được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước. Ưu tiên tập trung bảo trì KCHT hàng hải trọng điểm, quan trọng đạt chuẩn tắc thiết kế; đối với KCHT hàng hải khác thực hiện bảo trì đảm bảo chất lượng công trình phù hợp với yêu cầu khai thác.

d) Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia xã hội hóa quản lý khai thác, bảo trì KCHT hàng hải bằng các hình thức phù hợp như: khoán gọn, nạo vét luồng hàng hải kết hợp tận thu sản phẩm không dùng ngân sách nhà nước hoặc ứng trước kinh phí để thực hiện và được hoàn vốn đầu tư từ một phần phí hàng năm theo quy định của pháp luật.

e) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác quản lý chất lượng trong tổ chức khai thác, bảo trì KCHT hàng hải theo quy định.

g) Giao Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì tham mưu cho Bộ Giao thông vận tải thống nhất quản lý công tác nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, khai thác KCHT hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải quản lý. Phân cấp rõ ràng đơn vị thực hiện và cơ quan quản lý nguồn vốn duy tu, bảo dưỡng KCHT hàng hải nhằm sử dụng hiệu quả, kịp thời, thống nhất nguồn vốn đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành hàng hải.

h) Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Cảng vụ Hàng hải trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến kiểm tra, giám sát bảo vệ môi trường, quản lý đầu tư xây dựng công trình, chất lượng công trình và các nhiệm vụ khác trong vùng nước cảng biển. Xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa Cảng vụ Hàng hải với các cơ quan liên quan tại địa phương trong giải quyết thủ tục hàng hải tại cảng biển nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

a) Có kế hoạch đào tạo với tầm nhìn dài hạn cho các cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam và các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ trong quản lý, khai thác, bảo đảm chất lượng KCHT hàng hải.

b) Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn trong nước, các hội thảo, hội nghị để nâng cao năng lực, tiếp cận khoa học kỹ thuật, công nghệ mới về quản lý, khai thác, bảo đảm chất lượng KCHT hàng hải.

c) Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho các công nhân kỹ thuật trực tiếp thực hiện công tác bảo trì, kiểm định, khai thác KCHT hàng hải.

3. Nhóm giải pháp về nguồn vốn

a) Phân công, phân cấp công tác quản lý nguồn vốn thực hiện quản lý, khai thác, bảo đảm chất lượng KCHT hàng hải và quản lý giám sát đối với KCHT thực hiện bằng hình thức xã hội hóa.

b) Xây dựng cơ chế huy động các nguồn vốn và các cơ chế, chính sách ưu đãi khác để thu hút nguồn hàng, hãng tàu, bao gồm cả các nguồn hàng quá cảnh, trung chuyển của các nước lân cận. Tăng cường vai trò của các hiệp hội chuyên ngành trong định hướng quản lý, khai thác KCHT hàng hải.

c) Hoàn thiện cơ chế quản lý cho thuê khai thác KCHT cảng biển. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế giao đấu thầu khoán gọn công tác quản lý khai thác và duy tu bảo dưỡng KCHT hàng hải (các bến cảng, cầu cảng, tuyến luồng hàng hải...) cho nhiều thành phần tham gia (doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân,



liên doanh nước ngoài...). Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia duy tu, bảo dưỡng KCHT hàng hải theo hình thức tận thu hoặc ứng trước kinh phí để thực hiện và được thu một phần phí hàng năm theo quy định của pháp luật.

d) Thúc đẩy, kêu gọi, hợp tác đầu tư và trợ giúp kỹ thuật của các nước có nền khoa học kỹ thuật tiên tiến (sử dụng nguồn vốn ODA, FDI...) đối với các dự án đầu tư, nâng cấp KCHT hàng hải, trang thiết bị hàng hải để tiếp thu công nghệ tiên tiến của thế giới và tận dụng nguồn vốn nước ngoài góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, khai thác KCHT hàng hải.

4. Các giải pháp khác

a) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hàng chính tại cảng biển. Triển khai kết nối công thông tin một cửa quốc gia với các công thông tin điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển để tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước tại cảng biển. Đẩy mạnh áp dụng hải quan điện tử để giảm thời gian làm thủ tục, tăng cường năng lực thông quan hàng hóa.

b) Xây dựng và ban hành tài liệu cung cấp những thông tin, hướng dẫn cần thiết về cảng biển, luồng hàng hải và kết cấu hạ tầng cảng biển liên quan đến các hãng tàu, chủ hàng, hiệp hội có đầy đủ thông tin cần thiết khi tham gia hoạt động hàng hải tại Việt Nam.

c) Tập trung đầu tư cảng biển, bến cảng, luồng hàng hải tại các khu vực trọng điểm. Trước mắt tập trung đầu tư cảng biển Hải Phòng ở Miền Bắc; cảng biển Đà Nẵng, Vân Phong ở Miền Trung và cảng biển thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Cần Thơ tại Miền Nam.

d) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực quản lý, điều hành, khai thác, bảo trì KCHT hàng hải theo hướng nâng cao chất lượng, bền vững, thân thiện với môi trường, giảm chi tiêu sử dụng nhiên liệu, năng lượng và có chi phí hợp lý đối với công tác duy tu, bảo dưỡng KCHT hàng hải. Từng bước xây dựng các Trung tâm quản lý, khai thác và hỗ trợ hàng hải (VTS, AIS...) theo lộ trình.

đ) Thúc đẩy hình thành các trung tâm dịch vụ hậu cần logistics và các trung tâm cảng cạn (ICD) trên phạm vi cả nước nhằm hỗ trợ và thúc đẩy việc đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện KCHT hàng hải.

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, khai thác KCHT hàng hải, phân cấp, xã hội hóa công tác duy tu, bảo dưỡng KCHT hàng hải trên website của Bộ GTVT, Cục HHVN.

g) Yêu cầu các Báo, Tạp chí chuyên ngành GTVT, hàng hải tập trung tuyên truyền, phổ biến nội dung nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, khai thác KCHT hàng hải và lập các chuyên mục liên quan để trao đổi, thảo luận.

h) Riêng đối với Nhóm cảng biển số 5 quá trình thực hiện Quyết định này cần bám sát ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1178/TTg-KTN ngày 06/8/2013 và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác các cảng biển thuộc Nhóm cảng biển số 5 và các bến cảng khu vực Cái Mép - Thị Vải.



III. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Đề án theo dự toán được duyệt trong Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng đề án, kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ, định mức kinh tế - kỹ thuật, lập kế hoạch bảo trì hàng năm, thanh tra, kiểm tra và các công việc khác có liên quan đến thực hiện Đề án.

Kinh phí thực hiện Đề án nêu trên không bao gồm các dự án và công việc khác liên quan đến đầu tư, xây dựng, nâng cấp, hiện đại hóa và nâng cao năng lực quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng KCHT hàng hải.

2. Nguồn vốn thực hiện Đề án từ các nguồn sau đây:

a) Nguồn thu phí cảng vụ của ngân sách nhà nước tính theo tỷ lệ quy định trên tổng số thu phí cảng vụ phát sinh hàng năm.

b) Nguồn chênh lệch thu, chi phải nộp ngân sách nhà nước phát sinh từ phí hoa tiêu tại các Công ty hoa tiêu hàng hải theo cơ chế tài chính hiện hành áp dụng đối với các Công ty hoa tiêu hàng hải.

c) Tỷ lệ % trên tổng số thu phí bảo đảm hàng hải của ngân sách nhà nước hàng năm.

d) Tỷ lệ % trên tổng số thu phí cầu, bến phát sinh tại các cảng biển được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (các cảng biển chưa áp dụng hình thức cho thuê quản lý khai thác).

đ) Nguồn thu cho thuê KCHT cảng biển đối với các cảng đã được Nhà nước thực hiện cho thuê khai thác.

e) Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho công tác bảo trì KCHT hàng hải.

g) Nguồn tài chính của các tổ chức quốc tế và trong nước khác hỗ trợ cho công tác bảo trì, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác KCHT hàng hải.

h) Các nguồn tài chính khác theo quy định.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Các Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư, Cục Hàng hải Việt Nam và tổ chức có liên quan, trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao quán triệt thực hiện quan điểm, mục tiêu và các nội dung quy định tại Quyết định này và Đề án kèm theo.

2. Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, Vụ Kế hoạch đầu tư, Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư, Vụ Tài chính, Vụ Pháp chế, Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Quản lý chất lượng và xây dựng công trình giao thông và cơ quan, tổ chức liên quan chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Phụ lục của Quyết định này.

3. Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông chủ trì tham mưu, theo dõi việc triển khai thực hiện Đề án; tổng hợp, báo cáo và đề xuất với lãnh đạo Bộ giải quyết các vướng mắc phát sinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Trung tâm CNTT;
- Website Bộ GTVT;
- Báo GTVT, Tạp chí HHTV;
- Lưu: VT, KCHT (05bản)Trung.



Phụ lục
Danh mục xây dựng văn bản, đề án và chương trình thực hiện Đề án Nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý khai thác kết cấu hạ tầng hàng hải
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2974/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan chủ trì trình	Dự kiến thời gian thực hiện
I	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý nhà nước			
1	Nghị định ban hành Quy chế bảo vệ công trình cảng biển và luồng hàng hải	Cục HHVN	Vụ KCHT	2014-2015
2	Thông tư của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tiêu chuẩn quản lý khai thác và kiểm định KCHT hàng hải	Cục HHVN	Vụ KCHT	2014
3	Thông tư của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành định mức KTKT trong cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải	Cục HHVN	Vụ KCHT	2014-2015
4	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thu, quản lý, sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải	Cục HHVN	Vụ TC	2014-2015
5	Quyết định của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đối với phương tiện thi công nạo vét trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải	Cục HHVN	Vụ KCHT	2014-2015
6	Quyết định của Bộ trưởng Bộ GTVT công bố danh mục luồng hàng hải và khu nước, vùng nước khác trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm bù chi phí nạo vét, không sử dụng ngân sách nhà nước	Cục HHVN	Vụ KCHT	Hàng năm
7	Quyết định của Bộ trưởng Bộ GTVT công bố Danh sách các đơn vị tư vấn đủ điều kiện tham gia kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng hàng hải	Cục HHVN	Vụ KCHT	Hàng năm
8	Quyết định của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành mẫu Hợp đồng Dự án thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước	Cục HHVN	Vụ KCHT	2013-2014
9	Quyết định của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam ban hành danh bạ cảng biển Việt Nam	Cục HHVN	Vụ KCHT	2014-2015
II	Xây dựng các Đề án			
1	Đề án bảo vệ KCHT hàng hải ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Cục HHVN	Vụ MT	2014 - 2015
2	Đề án xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển và luồng hàng hải	Cục HHVN	Vụ KHCN	2013-2014
3	Nghiên cứu, đánh giá về hiện trạng, đề xuất quy	Cục HHVN	Vụ MT	2014

www.ThuvienPhapLuat.vn
 Tel: +84-8-3930-3279 * LawSoft



TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan chủ trì trình	Dự kiến thời gian thực hiện
	hoạch và triển khai xây dựng các công trình tiếp nhận và xử lý chất thải từ tàu đáp ứng yêu cầu của Công ước MARPOL 73/78 và quy định của pháp luật liên quan			
II	Các chương trình khác			
1	Đánh giá nhu cầu đầu tư cảng biển, tiến độ đầu tư các bến cảng biển, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch các hành lang liên quan đến KCHT hàng hải	Bộ GTVT/Cục HHVN	Vụ KHĐT/Vụ KCHT	2014
2	Đầu tư hệ thống VTS, AIS trên các tuyến luồng trọng điểm vào cảng Hải Phòng, Tp. HCM và Cái Mép - Thị Vải	Cục HHVN	Vụ KHĐT	2014 - 2015
3	Rà soát, thực hiện giải tỏa công trình và các hoạt động thủy sản, hải sản vi phạm hành lang an toàn luồng hàng hải	Cục HHVN/Các cảng vụ liên quan	Vụ KCHT	Hàng năm

Ghi chú: Trên cơ sở Phụ lục này, các cơ quan, đơn vị đăng ký thời gian cụ thể xây dựng các văn bản, đề án vào Chương trình xây dựng văn bản, đề án hàng năm của Bộ Giao thông vận tải.